

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HỢP TÁC

(Kèm theo Hợp đồng Hợp tác số 1807/HĐHT/NSS-KV/2020, ký ngày 25 tháng 7 năm 2020 giữa Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông Ngôi Sao Số và Công ty TNHH Công nghệ số Khởi Việt)

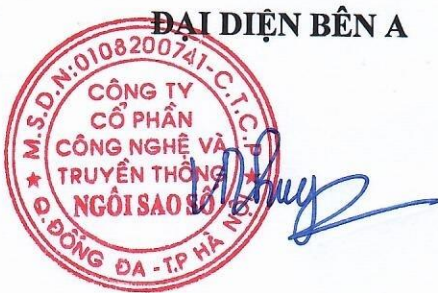
Điều 1: DANH MỤC HỢP TÁC

- Nội dung hợp tác: Về việc sử dụng các video TikTok tự sản xuất của Công ty TNHH Công nghệ số Khởi Việt để phân phối trên hệ thống MyClip, Mocha, Onme, MobiTV, Viettel TV của Viettel và MeClip của VNPT gồm:

| STT | Tên kênh | Nguồn chương trình | Nguồn |
|-----|---------------------|---|-------|
| 1 | huongnguyenofficial | https://vt.tiktok.com/UD7qCW/ | |

Điều 2: HIỆU LỰC PHỤ LỤC

- Phụ lục này có hiệu lực kể từ thời điểm có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền của hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng Hợp tác số 1807/HĐHT/NSS-KV/2020, ký ngày 25 tháng 7 năm 2020 giữa Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông Ngôi Sao Số và Công ty TNHH Công nghệ số Khởi Việt.
- Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.



Hoàng Thị Lệ Thùy



Nguyễn Thị Mai Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KHAI THÁC NỘI DUNG

Số:1807/HĐHT/NSS-KV/2020

- Căn cứ Bộ luật Dân sự của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ nghị định 100/NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.
- Căn cứ nguyện vọng và khả năng của 02 bên;

Hợp đồng khai thác và bảo trợ nội dung này (Sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) được lập và ký ngày 25 tháng 07 năm 2020 giữa các bên:

BÊN A : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG NGÔI SAO SỐ

Địa chỉ : Số 360 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 0904019960

Số tài khoản : 191355065 67010 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Đông Đô

Đại diện : **Bà Hoàng Thị Lệ Thùy** Chức vụ: Phó Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SỐ KHỞI VIỆT

Địa chỉ : Số 96 ngõ 211, Khương Trung, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại : 096 941 54 99

Mã số thuế : 0108 358 457

Số tài khoản : 1903 3227 901 019 tại Ngân Hàng TMCP kỹ thương Việt Nam.

Đại diện : **Ông Nguyễn Thị Mai Anh** Chức vụ: Giám Đốc

Xét rằng:

Bên A là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Pháp luật Việt Nam có đầy đủ quyền và thẩm quyền sản xuất, kinh doanh dịch vụ nội dung trên các nền tảng : mạng viễn thông, OTT, VOD...

- Bên B là đơn vị sở hữu nội dung và/hoặc hợp tác với đơn vị cung cấp nội dung khác.

Trên cơ sở thỏa thuận song phương, các bên cùng nhau thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng khai thác và bảo trợ nội dung theo các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA TỪ NGỮ TRONG HỢP ĐỒNG

- **Telcos:** là mạng di động Mobifone, Vietnamobile, Vinaphone, Viettel, Gtel và các mạng thông tin di động khác trên thị trường viễn thông Việt Nam.
- **Quyền tác giả:** là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
- **Nội dung số:** được hiểu là tất cả các sản phẩm thể hiện dưới dạng dữ liệu, ký hiệu, thông tin, văn bản, âm thanh, hình ảnh, phim được tạo lập bằng phương pháp số hóa và có thể được lưu trữ, truyền đưa, tải xuống, cung cấp, phân phối trên môi trường điện tử như mạng máy tính, mạng Internet, mạng viễn thông, điện thoại di động, nội dung số đặc biệt bao gồm nhưng không chỉ giới hạn bởi: các văn bản, dữ liệu, thông tin, hình ảnh, âm thanh, trò chơi, phim, video clips, trò chơi SMS v.v.
- **Quyền liên quan đến quyền tác giả:** là quyền của tổ chức, cá nhân đối với chương trình biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, và chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được quy định trong Luật sở hữu Trí tuệ Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành sau đây được gọi là Quyền liên quan.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP TÁC

- Bên B đồng ý cho Bên A được quyền sử dụng, khai thác các nội dung mà Bên B đang sở hữu hoặc quản lý hợp pháp để kinh doanh.
- Hai bên nhất trí thỏa thuận hợp tác trên cơ sở cùng có lợi để tạo lập, triển khai và cung cấp dịch vụ (*Sau đây gọi tắt là “Dịch vụ”*) dựa trên cơ sở viễn thông và hạ tầng kỹ thuật của Bên A, nội dung của Bên B phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- Mục đích sử dụng: Bên A tự kinh doanh hoặc hợp tác với các đối tác là các Telcos, các tổ chức và/hoặc cá nhân có kinh doanh loại hình dịch vụ giá trị gia tăng trên các nền tảng: wapsite, website, ứng dụng mobile, SMS và mạng xã hội...
- Khi mở thêm các hợp tác mới, hai bên thỏa thuận và thống nhất với nhau bằng văn bản bổ sung. Văn bản bổ sung được xem như một phần không tách rời của hợp đồng này.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HAI BÊN

3.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

3.1.1 Quyền:

- a) Được quyền khai thác, kinh doanh dịch vụ đối với các nội dung do Bên B sở hữu hoặc quản lý hợp pháp.
- b) Được quyền từ chối hợp tác nếu nội dung không thuộc quyền quản lý, sở hữu của Bên B và/hoặc không mang lại hiệu quả kinh doanh cho Bên A.
- c) Được quyền cập nhật và kinh doanh nội dung mới, tuy nhiên phải thông báo trước 07 (bảy) ngày cho Bên B biết việc cập nhật đó trước khi triển khai.
- d) Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp các tài liệu liên quan đến việc sở hữu hay quản lý hợp pháp các nội dung của Bên B khi cơ quan hữu quan yêu cầu.

- e) Được quyền yêu cầu Bên B thẩm định nội dung khi phát triển hướng kinh doanh mới. Tuy nhiên, nội dung thẩm định phải nằm trong phạm vi hoạt động và khả năng của Bên B và trong phạm vi hợp tác.
- f) Được quyền sửa đổi nội dung cho phù hợp với dịch vụ kinh doanh. Tuy nhiên, không được làm thay đổi bản chất hay ý nghĩa, đồng thời phải được Bên B thẩm định và chấp thuận trước khi kinh doanh.
- g) Được quyền hợp tác với đối tác thứ 3 nếu dịch vụ và nội dung mà Bên B không có khả năng và thẩm quyền hoạt động.

3.1.2 Nghĩa vụ:

- a) Chịu trách nhiệm phối hợp với Bên B xây dựng kịch bản dịch vụ, phù hợp với hạ tầng kỹ thuật cũng như kênh kinh doanh.
- b) Đầu tư thiết bị phần cứng cũng như phần mềm, kết nối với các đối tác kinh doanh, upload nội dung, quản trị hệ thống, truyền tải nội dung dịch vụ và quảng bá đến khách hàng.
- c) Không được sửa đổi nội dung mà việc sửa đổi đó làm thay đổi bản chất và ý nghĩa, ảnh hưởng đến các quyền nhân thân của tác giả cũng như uy tín của Bên B.
- d) Cung cấp tài khoản cho Bên B truy cập vào hệ thống cập nhật nội dung, nếu Bên B phát hiện có dấu hiệu nội dung đã bị Bên A làm sai lệch.
- e) Quảng bá một cách nghiêm túc dịch vụ đến với công chúng.
- f) Là đầu mối xử lý trong giải quyết khiếu nại, chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ.
- g) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn phần chia sẻ doanh thu của Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- h) Sử dụng các nội dung theo đúng mục đích, phạm vi đã thỏa thuận.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

3.2.1 Quyền:

- a) Được quyền thẩm định tất cả các nội dung dịch vụ mà hai bên hợp tác trước khi bên A truyền thông, kinh doanh.
- b) Được quyền yêu cầu bên A cung cấp thông tin về các kênh truyền thông đối với nội dung do bên B cung cấp.
- c) Được quyền từ chối hợp tác, được miễn hoàn toàn trách nhiệm đối với các nội dung không phải do Bên B cung cấp và/hoặc kiểm duyệt.
- d) Được quyền từ chối hợp tác nếu phát hiện bên A kinh doanh trái quy định Pháp luật.

3.2.2 Nghĩa vụ của bên B:

- a) Đảm bảo các nội dung cung cấp thuộc sở hữu và/hoặc quản lý hợp pháp của Bên B.
- b) Thẩm định nội dung khi hai bên phát triển hướng kinh doanh mới trong phạm vi hợp tác. Tuy nhiên, phải trong phạm vi hoạt động và quyền hạn của Bên B.

- c) Trong trường hợp nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc các đối tác hợp tác với Bên A, bên B cung cấp cho Bên A bản sao ủy quyền và/hoặc bằng chứng về quyền sở hữu đối với nội dung đó.
- d) Trong mọi trường hợp khiếu nại liên quan đến bản quyền, Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm giải quyết.
- e) Đối với các nội dung đồng sở hữu thì Bên B phải thỏa thuận với các đồng sở hữu để chỉ định người đại diện ký kết cung cấp bản quyền.

ĐIỀU 4: DOANH THU VÀ CHIA SẺ DOANH THU

- Doanh thu: Doanh thu được hiểu là phần phí Dịch Vụ bao gồm nhưng không giới hạn phí truy cập, phí đăng ký, phí sử dụng Dịch Vụ mà Telco thu được từ khách hàng tương ứng với sản lượng phát sinh từ lượt xem/tải nội dung của bên B.
- Chia sẻ doanh thu: Bên A đồng ý rằng, Bên A sẽ chia sẻ cho Bên B một phần doanh thu mà Telco/ đối tác trả cho Bên A, tỷ lệ chia sẻ sẽ được quy định tại các phụ lục của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT

- Mỗi Bên trong Hợp Đồng này dù cố ý hay vô ý không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hoặc độc quyền nào thuộc sở hữu của Bên kia hoặc thông tin liên quan đến Dịch Vụ, khách hàng, nhà cung cấp hoặc bất kỳ bí mật thương mại nào khác, trừ khi việc tiết lộ này được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia trong Thời hạn của Hợp Đồng này. Nghĩa vụ này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong 2 (hai) năm sau khi Hợp Đồng này kết thúc.
- Toàn bộ thông tin được chuyển giao từ Một Bên cho Bên kia hoặc bất kỳ thông tin nào mà Các Bên trao đổi với nhau trong thời gian thực hiện Hợp Đồng này đều được coi là thông tin bí mật hoặc độc quyền trừ khi có chỉ dẫn khác của Bên cung cấp thông tin.
- Khi chấm dứt Hợp Đồng, Mỗi Bên phải chuyển giao toàn bộ các Thông tin bí mật đã nhận từ phía Bên kia và không tiết lộ các thông tin đã được biết, trừ trường hợp được sự đồng ý của Bên kia và/hoặc theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 6: SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp Đồng này và Phụ lục của Hợp Đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.

6.2 Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- a) Cả Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng này; trong trường hợp đó Hai Bên sẽ thỏa thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp Đồng;
- b) Một trong hai Bên bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động, trong trường hợp này Hợp Đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do Hai Bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành;

6.3 Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng:

- a) Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu chứng minh được Bên kia đã có vi phạm trong việc thực hiện các trách nhiệm đã quy định trong hợp đồng và không có bất kỳ sửa chữa, khắc phục nào trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm.
- b) Bên A được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu việc hợp tác không mang lại lợi nhuận cho Bên A và/hoặc các đối tác hợp tác với Bên A chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên A phải thông báo cho Bên B trước 2 (hai) tháng về ý định chấm dứt hợp đồng.
- c) Nếu Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt bởi một trong các Bên phù hợp với điểm a) nói trên, thì ngoài việc bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp cho Bên bị vi phạm, Bên vi phạm còn phải chịu phạt hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- a) Hợp Đồng này, bao gồm cả Phụ lục kèm theo, tạo nên một thoả thuận hoàn chỉnh về vấn đề mà Các Bên hướng tới, và bao gồm những cam đoan, lời hứa, bảo đảm, và những thống nhất giữa Các Bên về vấn đề này. Mỗi Bên trong Hợp Đồng thừa nhận rằng không một cam đoan, lời hứa, hay thoả thuận nào, bằng miệng hay bằng văn bản, do Bên kia đưa ra, hoặc do người đại diện thay mặt của Bên đó đưa ra, mà không được thể hiện trong Hợp Đồng này và Phụ lục kèm theo, sẽ có ý nghĩa và hiệu lực ràng buộc các Bên.
- b) Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các Bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Bất khả kháng

- a) Nếu một trong Các Bên không thể thực thi được toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ, hệ thống thiết bị của các Bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác hoặc do hạn chế về khả năng kỹ thuật các hệ thống thiết bị thì bên đó sẽ phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự Kiện Bất Khả Kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

- b) Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của Các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc khi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó bị loại bỏ.

8.2 Thông báo

- a) Mọi thông báo và thông tin liên lạc chính thức liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được gửi tới địa chỉ của các bên như nêu tại phần đầu của hợp đồng.
- b) Mọi thông báo và thông tin liên lạc khác hoặc thừa nhận được thực hiện theo Hợp Đồng này sẽ chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản, bao gồm cả fax và telex, và chỉ được coi là đã gửi và nhận hợp lệ: (i) khi giao bằng tay có giấy biên nhận; (ii) nếu gửi bưu điện thì 7 (bảy) ngày làm việc sau khi gửi thư bảo đảm cước phí trả trước, có xác nhận bằng văn bản; (iii) trong trường hợp gửi bằng fax hay telex, khi gửi trong giờ làm việc bình thường tới địa điểm kinh doanh của người nhận, nếu có tín hiệu hay giấy xác nhận đã chuyển; (iv) nếu gửi bằng dịch vụ giao nhận bảo đảm, khi thực tế đã nhận, và trong bất kỳ trường hợp nào, cũng phải gửi cho các Bên tại địa chỉ đã được thông báo bằng văn bản tùy từng thời điểm.
- c) Cho mục đích của Điều này, các Bên có thể thay đổi địa chỉ bằng cách gửi thông báo hợp lệ bằng văn bản cho Bên kia.

8.3 Luật áp dụng

Việc lập Hợp Đồng này, hiệu lực, giải thích, ký kết và giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ tuân theo và được giải thích theo pháp luật của Việt Nam.

ĐIỀU 9: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Thời hạn của Hợp Đồng này (sau đây gọi là “Thời hạn”) là một (01) năm kể từ ngày ký. Các Bên có thể gia hạn Hợp Đồng này bằng cách thoả thuận bằng văn bản. Mỗi lần gia hạn đó cũng được tính vào Thời hạn của Hợp Đồng này.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, người đại diện có thẩm quyền của Các Bên đã ký kết Hợp Đồng này vào Ngày hiệu lực, làm bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Hoàng Thị Lệ Thùy

ĐẠI DIỆN BÊN B


Nguyễn Thị Mai Anh